

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG THÀNH
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 177/2018/HNGĐ-ST.
Ngày: 26/10/2018.
V/v: “Tranh chấp về ly hôn, nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Bà La Thị Hồng Gấm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đình Hùng.
2. Ông Phạm Đức Nhân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hoài Diễm, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Thành.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đồng - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Thành xét xử công khai vụ án thụ lý số 526/2018/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 7 năm 2018 về “Tranh chấp về ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 180/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 9 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 183/2018/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Thị Tú T**, sinh năm: 1984.

Địa chỉ: Số nhà 13, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. *Bị đơn:* Anh **Nguyễn Hữu Th**, sinh năm: 1983.

Địa chỉ: Số 2, xã P, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

(Chị T có mặt, anh Th vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện ngày 03/7/2018 và các lời khai tại Tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Tú T trình bày:

+ Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Hữu Th tự nguyện xây dựng gia đình với nhau và có tổ chức lễ cưới vào năm 2002, đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện Long Thành ngày 09/8/2005. Sau khi kết hôn thời gian đầu anh chị chung sống bình thường. Đến năm 2015 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh Th nghiện ma túy, thường xuyên uống rượu và chửi mắng vợ con, không chăm lo cho gia đình, đầu năm 2016 anh Th đã được đi cai nghiện, nhưng khi trở về thì vẫn không thay đổi. Chị và anh Th đã ly thân, không còn sống chung nhà từ năm 2016 đến nay. Nay chị nhận thấy giữa chị và anh Th tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị xin được ly hôn với anh Th.

+ Về con chung: Có 02 con chung tên:

1/ Nguyễn Hoàng T, sinh ngày 30/6/2003.

2/ Nguyễn Thành Đ, sinh ngày 03/5/2012.

Hiện các con đang sống cùng chị, ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay chị đang làm quản lý nhà hàng, thu nhập bình quân mỗi tháng khoảng 8.000.000 đồng, chị đảm bảo đủ điều kiện nuôi con.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

- Bị đơn anh Nguyễn Hữu Th vắng mặt không có lời khai.

Các tài liệu, chứng cứ trong vụ án: Đơn khởi kiện tranh chấp ly hôn; Căn cước công dân, chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu; Giấy chứng nhận kết hôn; Giấy khai sinh con; Bản tự khai của chị Trinh; Bản tự khai của cháu T; Các biên bản ghi nhận sự việc; Các biên bản xác minh tại UBND xã P, Công an xã P; Biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Biên bản không tiến hành hòa giải được và các tài liệu chứng cứ khác đã được đóng dấu bút lục trong hồ sơ vụ án.

Các tình tiết các bên thống nhất và không thống nhất: Bị đơn anh Nguyễn Hữu Th không có mặt, không có lời khai nên không thương lượng thỏa thuận được.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành: Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử được thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn như cung cấp tài liệu, chứng cứ và tham gia phiên tòa được thực hiện theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với bị đơn không thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Xét quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh Th là quan hệ hôn nhân hợp pháp, vợ chồng có mâu thuẫn trầm trọng, đã sống ly thân từ năm 2016, không hàn gắn đoàn tụ được nên yêu cầu ly hôn là có căn cứ chấp nhận. Về con chung: có 02 con chung là cháu Nguyễn Hoàng T, sinh ngày 30/6/2003 và cháu Nguyễn Thành Đ, sinh ngày 03/5/2012, hiện cháu T và cháu Đ đang sống cùng chị T nên đề nghị giao cháu T và cháu Đ cho chị T nuôi dưỡng, chị T không yêu cầu anh Thành cấp dưỡng nên không xem xét. Về tài sản chung và nợ chung: không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai về việc tham gia phiên tòa đối với bị đơn anh Nguyễn Hữu Th nhưng anh Th vắng mặt không có lý do; Căn cứ điểm b, khoản 2, Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt anh Th.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh Thành tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn và được UBND xã P cấp giấy chứng nhận kết hôn số 82 ngày 09/8/2005 nên là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nên chị T nộp đơn xin ly hôn.

Xét yêu cầu ly hôn của chị T có cơ sở chấp nhận bởi lẽ: Chị T và anh Th đã ly thân, không còn sống chung nhà từ năm 2016 đến nay, vợ chồng không có biện pháp hàn gắn đoàn tụ. Tại biên bản xác minh ngày 31/8/2018 thể hiện anh Th có sử dụng chất ma túy nên được đưa đi cai nghiện. Tòa án đã nhiều lần gửi giấy triệu tập làm việc, hòa giải nhưng anh Th không đến Tòa làm việc xem như anh Th đã bỏ mặc hôn nhân, không có ý kiến mong muốn hàn gắn xây dựng gia đình, đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định pháp luật, tại Tòa chị T vẫn kiên quyết ly hôn. Như vậy, hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T, xử cho chị T được ly hôn anh Th.

Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Hoàng T, sinh ngày 30/6/2003 và Nguyễn Thành Đ, sinh ngày 03/5/2012.

Ly hôn chị T yêu cầu được nuôi dưỡng cả hai cháu T và Đ, không yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy hiện nay cháu T và cháu Đ đang sống cùng chị T, cháu T có nguyện vọng được tiếp tục sống cùng chị T, hiện tại chị T có việc làm và thu nhập ổn định, đủ điều kiện nuôi con. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu về việc nuôi con chung của chị T, giao cháu T và cháu Đ cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con chị T không có yêu cầu nên không xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị T khai không có nên không xem xét.

[3] Về án phí: Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28; Điều 35, Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83, 84 và Điều 131 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 11 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Tú T về việc “Tranh chấp về ly hôn, nuôi con” đối với anh Nguyễn Hữu Th, xử cho chị Nguyễn Thị Tú T được ly hôn anh Nguyễn Hữu Th.

- Về con chung: Xử giao cháu Nguyễn Hoàng T, sinh ngày 30/6/2003 và cháu Nguyễn Thành Đ, sinh ngày 03/5/2012 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, tạm thời anh Th không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn chị T, anh Thành vẫn phải có nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung. Anh Th được quyền đến thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Khi cần thiết các đương sự có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị Tú T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị T đã nộp theo biên lai thu số 002491 ngày 11/7/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Thành, chị T đã nộp đủ án phí.

Chị Nguyễn Thị Tú T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Hữu Th được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận :

- Tòa án ND tỉnh Đồng Nai (1);
 - VKSND H. Long Thành (1);
 - Chi cục THADS H. Long Thành (1);
 - Các đương sự (2);
 - UBND xã P (1)
- Giấy CNKH số 82 ngày 09/8/2005;
- Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai (1);
 - Lưu (3).

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

La Thị Hồng Gấm